

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

CTG, HBC

## [Cập nhật công ty]

PVT, VNM

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ gia tăng 1 phần tỷ trọng trading trong các nhịp điều chỉnh về hỗ trợ của cổ phiếu

05/09/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,234.98	+0.89
VN30	1,244.64	+0.82
HĐTL VN30F1M	1,242.50	+0.77
HNXIndex	252.28	+1.01
HNX30	531.33	+1.12
UPCoM	94.29	+1.04
USD/VND	24,090	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.57	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	+7
Dầu (WTI, \$)	85.15	-0.47
Vàng (LME, \$)	1,934.04	-0.45



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,234.98 (+0.89%)  
**KLGD (triệu CP)** 983.3 (+15.9%)  
**GTGD (triệu U\$)** 1,020.6 (+15.1%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại SSI (-0.15%), VIC (+0.32%), HPG (+0.72%).

**HNXIndex** 252.28 (+1.01%)  
**KLGD (triệu CP)** 111.9 (+8.3%)  
**GTGD (triệu U\$)** 87.9 (+8.7%)

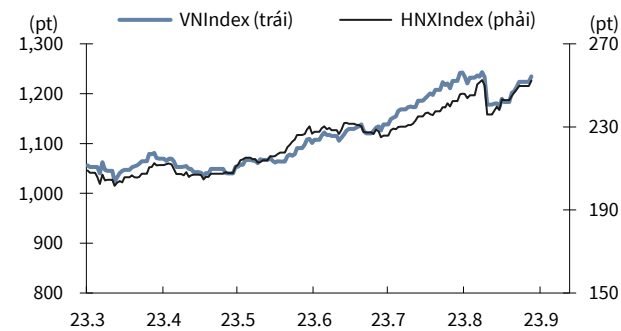
Để tránh tình trạng thiếu điện cục bộ ở miền Bắc, Thủ tướng yêu cầu Bộ Công Thương chuẩn bị đầu tư các dự án thuộc đường dây 500 kV mạch 3 từ Quảng Trạch, Quảng Bình đến Phố Nối, Hưng Yên theo đúng quy định, phần đầu khởi công vào tháng 9/2023. Cổ phiếu ngành điện tăng giá ở PC1 (+6.84%), NT2 (+3.94%).

**UPCoM** 94.29 (+1.04%)  
**KLGD (triệu CP)** 54.4 (+11.2%)  
**GTGD (triệu U\$)** 32.9 (+12.9%)

Giá thép hôm nay giao tháng 10/2023 trên Sàn giao dịch Thượng Hải tăng 3 nhân dân tệ lên mức 3,824 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h40 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở NKG (+2.59%), HPG (+0.72%).

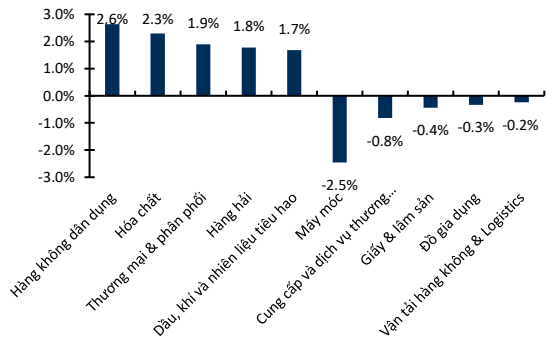
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -16.1

VNIndex & HNXIndex



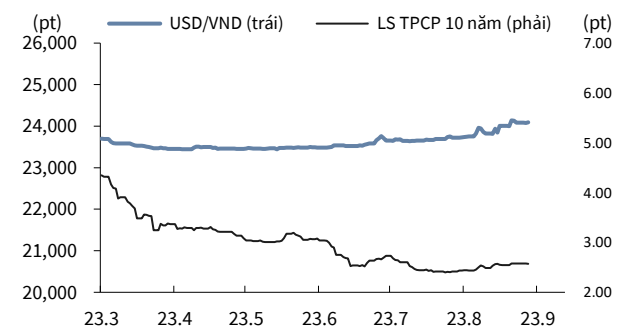
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



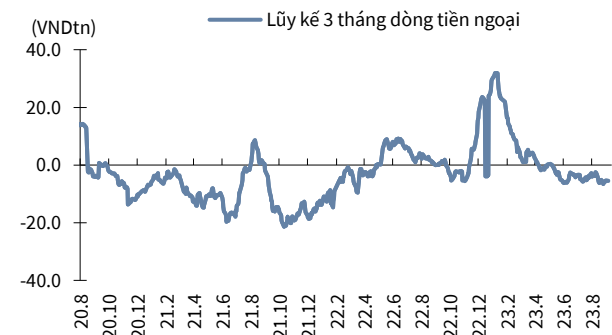
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

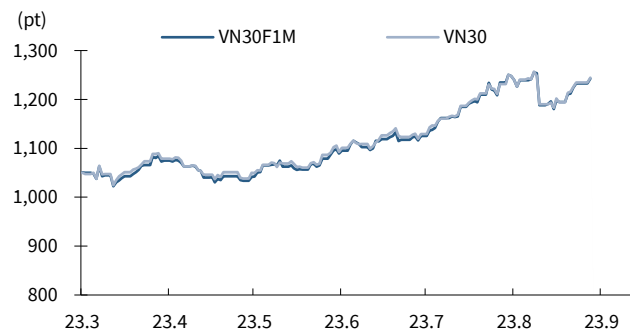
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,244.64 (+0.82%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,242.5 (+0.77%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,237.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,246.3</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,236.5</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2309 và VN30 ghi nhận mức cao nhất ở đầu phiên sáng tại 6.67 điểm, sau đó đảo chiều và biến động quanh mức -0.76 toàn phiên, đóng cửa tại -2.14 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

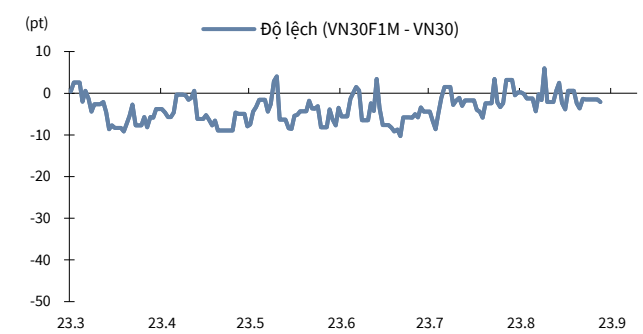
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>139,885 (-23.5%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



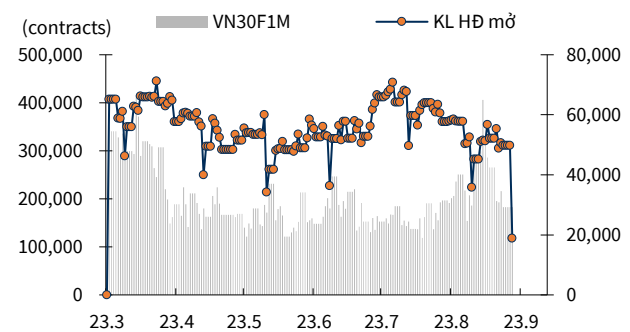
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



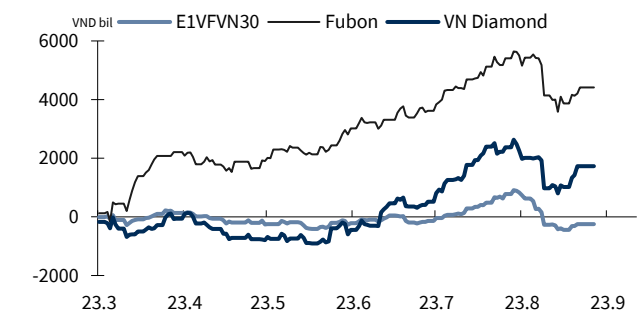
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

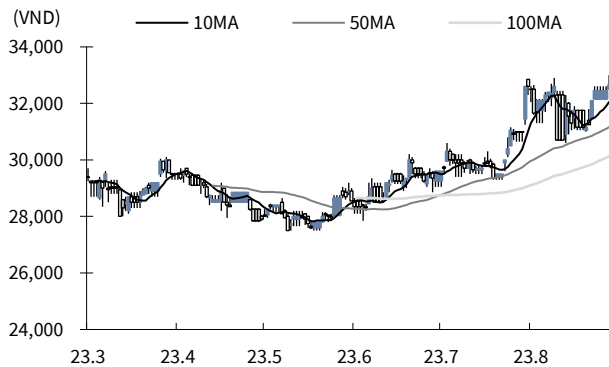
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG)

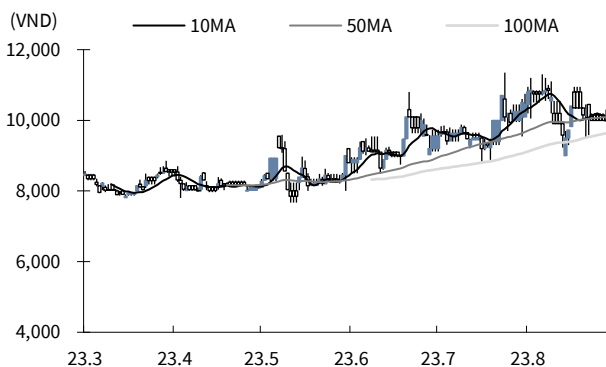


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 0.62% lên 32,650 VND/cp

- Hội đồng quản trị VietinBank mới đây đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2020. Theo đó, CTG dự kiến phát hành gần 564.3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 11.7415% trong thời gian quý III – quý IV/2023. Nếu phát hành thành công toàn bộ số cổ phiếu trên, vốn điều lệ của CTG sẽ tăng từ 48,057 tỷ đồng lên 53,700 tỷ đồng.

## CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC kết phiên ở mức giá tham chiếu 10,000 VND/cp

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 5/9 vừa công bố kết quả mua lại trái phiếu trước hạn của CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình với lô trái phiếu có mã HBCH2225002. Theo đó, HBC đã mua lại 5 tỷ đồng trong số 84.6 tỷ đồng trái phiếu với thời hạn 3 năm, được phát hành vào tháng 10/2022 với tổng giá trị theo mệnh giá 94.6 tỷ đồng. Đây là lần mua lại trước hạn thứ 3 trong năm 2023 của HBC.

31/08/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu  
 hieupm@kbsec.com.vn

**Doanh thu 1H2023 sụt giảm nhẹ trong khi lợi nhuận gộp cải thiện so với cùng kỳ**

Doanh thu 1H2023 của PVT giảm nhẹ 3.3% yoy chủ yếu do PVT quyết định giảm tỷ trọng đóng góp của mảng FSO/FPSO và thương mại để tập trung vào mảng cốt lõi là vận tải biển. Lợi nhuận sau thuế tăng 34% yoy. Lợi nhuận gộp mảng vận tải tăng 47% yoy, chủ yếu đến từ các mảng vận tải hàng lỏng (dầu thô, dầu thành phẩm/hóa chất, LPG). Mảng vận tải hàng rời ghi nhận mức lỗ khoảng 56 tỷ VND. Trong 1H2023, PVT ghi nhận lợi nhuận thanh lý tàu vào khoảng 55 tỷ VND.

**Giá cước vận tải dầu thô và dầu thành phẩm/hóa chất hưởng lợi nhờ nhu cầu tăng trong khi nguồn cung tàu hạn hẹp**

Nhu cầu vận tải dầu thô và dầu thành phẩm/hóa chất sẽ gia tăng do (1) Giá dầu neo cao kích thích hoạt động khai thác và (2) Biên lợi nhuận tăng cao sẽ thúc đẩy công suất hoạt động của các nhà máy lọc dầu. Trong khi đó, nguồn cung vẫn sẽ thắt chặt do (1) cuộc chiến Nga-Ukraine khiến quãng đường vận chuyển dài hơn; (2) số đơn hàng đóng mới tàu đang ở mức rất thấp và (3) chuyển dịch đầu tư sang các loại tàu LNG và LPG theo xu hướng năng lượng sạch.

**Giá cước vận tải LPG hưởng lợi do nhu cầu dự kiến tăng mạnh hơn so với nguồn cung**

Giá cước tàu LPG có tiềm năng gia tăng do (1) Xuất khẩu propane từ Bắc Mỹ sang châu Á trên đà tăng mạnh do mức chênh lệch giá giữa 2 khu vực đang mở rộng và (2) Triển vọng tăng trưởng tiêu thụ propane tại châu Á tới cuối 2024 tích cực khi các nhà máy PDH (propane dehydrogenation) tại Trung Quốc dự kiến sẽ đi vào khai thác trong giai đoạn 2023-2024.

**Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 28,900 VNĐ/cổ phiếu**

Dựa trên định giá FCFF, EV/EBITDA và P/E chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PVT. Giá mục tiêu là 28,900 VNĐ/cổ phiếu, tương đương mức upside 24.5% so với giá tại ngày 31/08/2023.

## MUA Duy trì

Giá mục tiêu	28,900 VND
Tăng/giảm (%)	24.5%
Giá hiện tại (31/08/2023)	VND23,200
Giá mục tiêu đồng thuận	VND26,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	7,201/299

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	48.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	82.2/3.4
Sở hữu nước ngoài (%)	35.8%
Cổ đông lớn	Petrovietnam (51%)

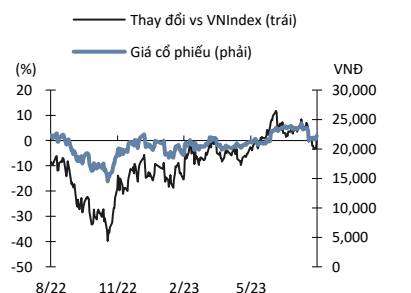
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-9.4	3.1	5.6	-0.2
Tương đối	-8.5	-7.3	-6.6	8.1

### Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	7,368	9,047	9,189	10,640
Lãi/lỗ từ HĐKD	963	1,234	1,487	1,742
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VND)	666	857	1,024	1,191
EPS (VNĐ)	2,056	2,500	2,876	3,345
Tăng trưởng EPS (%)	5.7	21.6	15.0	16.0
P/E (x)	11.1	8.8	10.1	8.6
P/B (x)	1.1	1.0	1.1	1.0
ROE (%)	12.1	14.4	13.0	13.0
Tỷ suất cổ tức (%)	5.1	0.5	3.5	3.5

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# CTCP Sữa Việt Nam (VNM)

## Kỳ vọng từ tái định vị thương hiệu

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang  
Giangnt1@kbsec.com.vn

05/09/2023

**KQKD 2Q2023 chấm dứt chuỗi 9 quý tăng trưởng lợi nhuận âm dù gặp khó khăn toàn ngành**

**Thị trường nội địa có tín hiệu khả quan, tái định vị thương hiệu kì vọng giúp chiếm lại thị phần**

**Thị trường nước ngoài chứng lại do kinh tế toàn cầu giảm tốc**

**Khuyến nghị: NĂM GIỮ - Giá mục tiêu 84,000 VND**

Kết thúc 2Q2023, VNM đạt doanh thu thuần 15,195 tỷ đồng tăng nhẹ 1,8% yoy do nền kinh tế gặp khó khăn, sức mua vẫn còn khá yếu. Biên lợi nhuận gộp đạt 40.5% tăng 1.7 điểm phần trăm QoQ do áp lực từ giá các nguyên vật liệu nhập khẩu hạ nhiệt và một phần từ việc tăng nhẹ giá bán. LNST đạt 2,229 tỷ đồng tăng 6% yoy, chấm dứt chuỗi 9 quý liên tiếp tăng trưởng lợi nhuận âm kể từ Q1/2021.

Thị trường nội địa tiếp tục khó khăn khi ngành sữa tăng trưởng rất chậm trong khi có nhiều đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên VNM cũng đã chiếm được thị phần ở một số mảng kinh doanh, một vài mảng là động lực tăng trưởng trong thời gian tới như sữa đặc, sữa chua đều có kết quả khả quan. KQKD của MCM giảm nhẹ do sức mua yếu tại khu vực miền núi phía Bắc. Ngoài ra, VNM cũng thực hiện chiến dịch tái định vị thương hiệu kì vọng giúp chiếm lại thị phần và tăng trưởng tại thị trường xuất khẩu.

Tổng doanh thu nước ngoài đạt 2,406 tỷ đồng (-2.2% yoy). Thị trường xuất khẩu đạt 1,270 tỷ đồng (-10% yoy) do sức mua tại các thị trường xuất khẩu vẫn còn khá yếu do áp lực lạm phát toàn cầu. Tại chi nhánh nước ngoài doanh thu đạt 1,136 tỷ đồng (+9%), AngkorMilk tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định, Driftwood đang bắt đầu trở lại tăng trưởng bình thường.

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2023 của VNM với doanh thu thuần đạt 63,205 tỷ đồng (+5.4% yoy), LNST đạt 9,321 tỷ đồng (+8.7% yoy). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu VNM với giá mục tiêu 84,000 VND/cổ phiếu.

## NĂM GIỮ DUY TRÌ

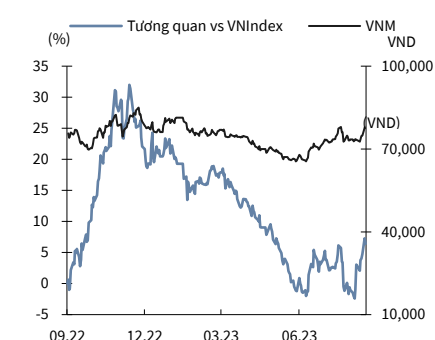
Giá mục tiêu	84,000 VND
Tăng/giảm (%)	5%
Giá hiện tại (5/9/2023)	80,100VND
Giá mục tiêu đồng thuận	82,147VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	165.8/6.9

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	42.3%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	323.5/13.5
Sở hữu nước ngoài	55.7%
Cổ đông lớn	SCIC (36%)

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2	18	1	3
Tương đối	3	9	-14	6

Dự phóng KQKD & định giá	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	60,919	59,956	63,205	68,630
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	11,760	9,753	10,388	12,059
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	10,633	8,578	9,321	10,694
EPS (nghìn VND)	4,517	3,632	4,412	5,075
Tăng trưởng EPS (%)	-5%	-20%	21%	15%
P/E (x)	14.7	18.3	15.1	13.1
P/B (x)	3.9	4.2	4.1	3.8
ROE (%)	32%	27%	31%	34%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	4.5%	6.7%	5.2%	5.2%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

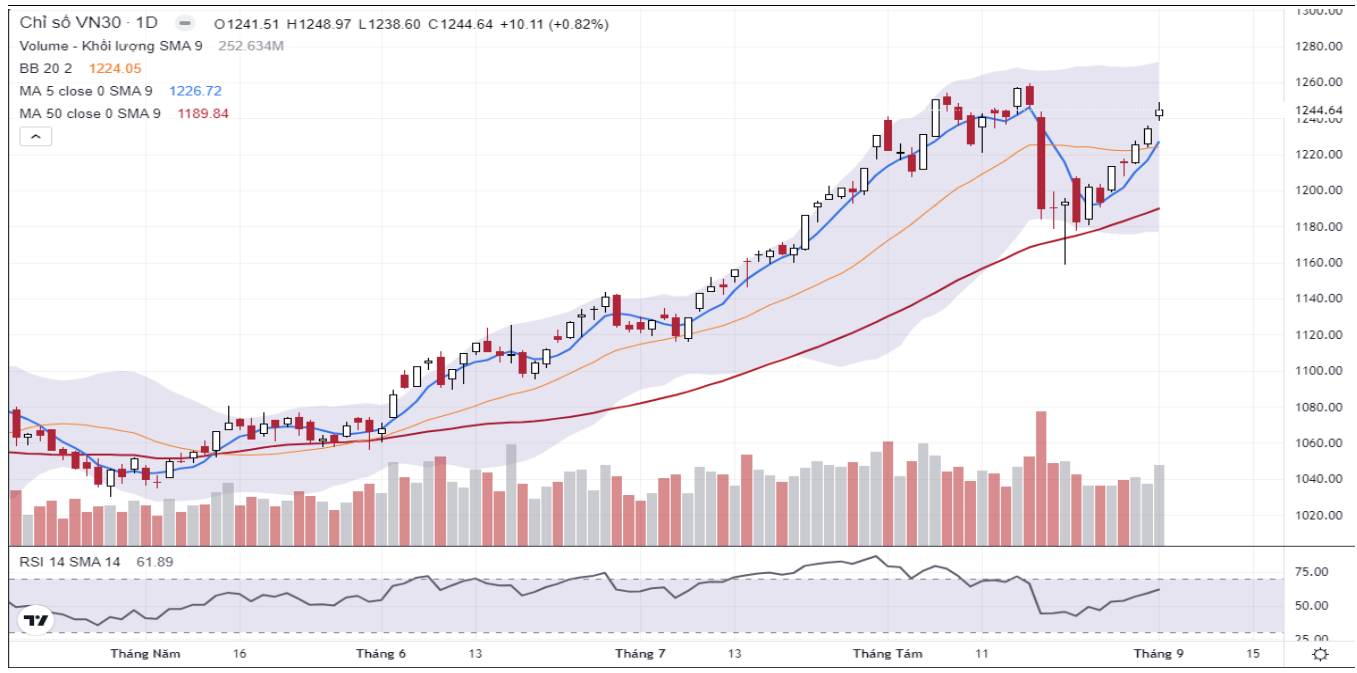
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với diễn biến giằng co trong phiên.
- Ngưỡng hỗ trợ tại quanh vùng 1230 cho phản ứng cùng với thanh khoản gia tăng giúp cho chỉ số bảo lưu được thành quả tăng điểm trong phiên ngày hôm nay. Mặc dù áp lực điều chỉnh ngày càng tăng trong quá trình đi lên, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục giữ nguyên quán tính tăng điểm và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 124x.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ gia tăng 1 phần tỷ trọng trading trong các nhịp điều chỉnh về hỗ trợ của cổ phiếu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1258 - 1261

Kháng cự gần: 1247 - 1250

Hỗ trợ gần: 1229 - 1231

Hỗ trợ xa: 1218 - 1221

— F1 tăng điểm với diễn biến giằng co trong phiên.

— Ngưỡng hỗ trợ tại quanh vùng 1240 cho phản ứng giúp cho chỉ số bảo lưu được hầu hết thành quả tăng điểm trong phiên ngày hôm nay. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục giữ nguyên quán tính tăng điểm và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 124x - 125x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

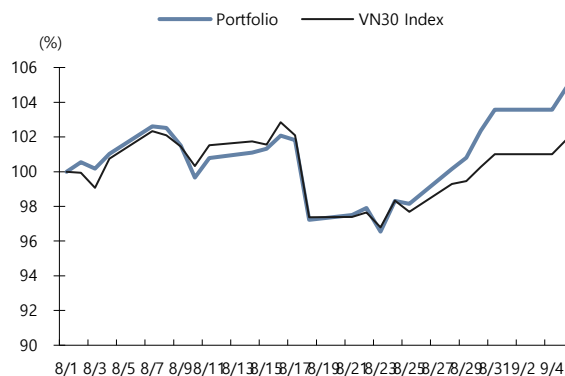
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.82%	1.22%
Tăng lũy kế (YTD)	1.84%	4.83%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/09/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Vietcombank (VCB)	01/08/2023	90,100	1.1%	-1.2%	- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao so với toàn ngành, giúp linh hoạt trong việc giảm dự phòng. - NIM được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức hiện tại hoặc giảm nhẹ - Tham gia tái cấu trúc TCTC yếu kém sẽ giúp ngân hàng được cấp room tín dụng ~14%.
PC1 Group (PC1)	01/08/2023	28,900	6.8%	3.6%	- Quy hoạch điện VIII phê duyệt giúp BLNG có thể được cải thiện lên 11% trong 2023 - Nhà máy khai thác Nickel tại Cao Bằng đã vận hành trong T4/2023 - PC1 dự kiến bàn giao toàn bộ 54 căn hộ thấp tầng tại dự án Gia Lâm trong 2023
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/08/2023	80,500	0.0%	-0.6%	- Ngành bán lẻ phục hồi sức mua theo nền kinh tế nhờ các hỗ trợ tài khóa và tiền tệ - Kỳ vọng BLNG cải thiện: 1) cơ cấu DM sản phẩm và 2) giảm bớt chính sách khuyến mại - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh Kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm
Techcombank (TCB)	01/08/2023	35,000	1.4%	2.9%	- Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao nhờ vào hoạt động bán buôn - NIM chưa phục hồi nhưng CASA được cải thiện, đạt 35% so với 1Q23 là 32% - P/B đang giao dịch ở mức 0.98 lần. Thấp hơn trung bình ngành là 1.63
PV Power (POW)	01/08/2023	13,000	1.6%	-3.3%	- Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang sửa chữa được dự kiến được quay trở lại vào quý 4/2023 - Nhu cầu phụ tải điện có xu hướng tăng trong khi thủy điện khó bù đắp sản lượng - Động lực tăng trưởng dài hạn đến từ 2 nhà máy nhiệt điện khí NT3 và NT4
FPT Corp (FPT)	01/08/2023	96,800	0.1%	14.6%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Viettel Post (VTP)	01/08/2023	43,900	-0.9%	6.9%	- VTP kỳ vọng cải thiện BLNG mảng dịch vụ lên 7.8% nhờ tập trung vào tối ưu hóa chi phí - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần của VTP lên 21% - VTP dành nhiều nguồn lực cho việc mở rộng thị trường phân khúc khách hàng lớn
Kinh Bắc Group (KBC)	01/08/2023	34,200	-0.7%	6.7%	- KBC kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Quỹ đất mới được phê duyệt 1,256 ha là động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn - KĐT Trảng Cát và KCN Trảng Duệ 3 được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh tiến độ
Sacombank (STB)	01/08/2023	32,700	0.2%	13.0%	- STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi suất; (2) Thanh khoản được cải thiện - Tỷ lệ nợ xấu trong nhóm thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.
Binh Son Refinery (BSR)	01/08/2023	20,100	2.6%	3.6%	- Mức crack spread có thể được cải thiện từ mùa cao điểm ở thị trường Trung Quốc và Mỹ. - Kế hoạch hoàn bảo dưỡng nhà máy có thể giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	3.0%	54.7%	195.1
TPB	0.3%	29.4%	158.6
VHM	1.1%	24.3%	67.0
GMD	1.4%	47.6%	42.9
PVT	2.4%	13.2%	33.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	-0.2%	46.1%	-187.7
VIC	0.3%	13.2%	-178.7
HPG	0.7%	26.1%	-107.3
FUEVFNVD	1.2%	96.9%	-67.2
STB	0.2%	23.7%	-36.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.8%	19.8%	7.1
CEO	4.2%	4.1%	6.1
TIG	2.6%	11.0%	6.0
BVS	-1.0%	7.4%	4.7
IDC	0.4%	1.2%	2.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	0.0%	20.0%	-9.5
DTD	-1.3%	3.8%	-7.5
MBS	0.0%	0.8%	-2.3
NVB	2.1%	7.9%	-1.4
SHS	-1.1%	11.6%	-1.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	10.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Thiết bị điện	9.4%	GEX, SAM, CAV, RAL
Chứng khoán	7.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Bán lẻ hàng chuyên dụng	7.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Kim loại & khai thác	7.2%	HPG, HSG, NKG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích khí	-1.7%	GAS, PGD, PMG
Bao bì & đóng gói	-1.6%	TDP, SVI, MCP, TPC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.8%	AST, VNG, DSN, DAH
Máy móc	-0.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Ngành chưa phân loại	0.0%	CKG, PSH, NHH, ABS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	19.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Công nghệ	12.8%	FPT, CMG, ELC
Chứng khoán	11.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Phụ tùng oto	9.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hóa chất	9.2%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-8.0%	TNH, JVC, VMD
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Bảo hiểm	-4.7%	BVH, MIG, BIC, BMI
Tập đoàn công nghiệp	-4.0%	REE, BCG, PET, EVG
Dược	-3.1%	DHG, IMP, TRA, DBD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	1,128,745 (47.2)	22.5	73.7	69.0	14.7	2.9	2.9	2.1	2.0	0.3	-1.9	0.2	15.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	332,784 (13.9)	26.6	6.8	6.2	35.9	21.3	19.4	1.4	1.2	1.1	2.2	-12.2	15.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	227,346 (9.5)	17.8	16.4	15.4	-7.6	11.8	11.5	1.8	1.7	-0.5	5.1	5.1	14.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	917,151 (38.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.2	1.2	4.6	10.3	8.1	52.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	68,878 (2.9)	11.6	27.9	25.2	13.7	8.2	8.2	2.0	1.9	-1.9	5.1	0.8	37.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	525,981 (22.0)	13.9	41.1	43.4	-	3.7	3.4	1.4	1.4	-0.7	5.2	13.9	73.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	123,956 (5.2)	6.3	15.0	12.4	11.7	23.7	22.5	2.8	2.2	1.1	4.5	0.0	33.0
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	78,529 (3.3)	12.7	11.9	9.7	-5.3	19.5	19.2	2.1	1.7	1.2	5.1	-1.9	23.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	207,230 (8.7)	0.0	6.7	5.3	14.3	15.0	16.3	0.9	0.8	1.4	4.0	4.2	35.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	235,787 (9.9)	1.4	8.3	7.0	50.3	16.5	17.0	1.2	1.1	0.6	4.8	5.3	19.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	371,684 (15.6)	0.0	9.7	7.3	18.8	11.4	12.9	1.3	1.1	0.2	4.0	-5.4	17.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	179,697 (7.5)	0.0	5.1	4.2	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	3.5	5.8	0.8	28.8
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	47,400 (2.0)	4.2	5.9	4.2	23.3	20.0	23.3	1.1	0.9	1.5	5.2	-0.3	23.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	834,657 (35.0)	14.0	8.2	5.3	26.5	18.8	23.0	1.3	1.0	0.2	5.1	13.0	45.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	158,400 (6.6)	0.0	7.6	6.5	37.4	19.6	19.7	1.2	1.0	0.3	4.2	3.7	29.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	222,432 (9.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.7	6.5	7.4	9.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	36,525 (1.5)	21.0	16.1	15.3	15.8	11.4	9.8	1.5	1.5	0.6	1.2	-3.5	-2.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	8,422 (0.4)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	4.3	4.3	13.7	35.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	880,802 (36.8)	55.4	31.9	25.2	-3.2	9.9	8.9	2.2	2.2	-0.1	3.6	14.2	88.4
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	225,903 (9.4)	71.9	29.4	21.9	-4.0	10.5	13.6	3.0	2.9	-1.3	6.7	4.4	100.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	216,870 (9.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.4	12.0	10.6	67.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	719,055 (30.1)	27.2	24.5	18.3	36.3	7.9	10.2	1.9	1.8	0.0	7.6	14.1	74.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	280,198 (11.7)	42.1	18.9	16.1	4.0	29.5	32.3	5.4	5.5	3.0	6.9	9.7	5.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	43,655 (1.8)	36.9	22.0	19.7	7.3	19.4	19.7	4.0	3.6	0.5	1.7	-1.1	-4.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	179,960 (7.5)	16.5	51.0	27.9	-51.9	10.7	13.1	6.3	5.5	0.0	2.3	-5.6	-12.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	21,498 (0.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	4.0	-5.5	0.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	89,623 (3.7)	11.0	57.6	26.4	-88.5	6.4	13.2	3.4	2.9	2.6	3.6	-0.5	-8.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	78,543 (3.3)	10.8	11.9	16.6	-57.0	31.1	13.3	2.2	2.0	1.4	15.0	9.7	40.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	255,597 (10.7)	38.4	18.3	14.9	65.7	2.4	3.8	1.1	1.1	2.2	10.6	6.3	77.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	458,785 (19.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.2	13.0	4.9	99.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	67,303 (2.8)	3.6	29.9	23.0	-52.4	-0.2	2.1	0.6	0.6	3.5	4.6	1.1	98.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	43,934 (1.8)	0.0	10.2	9.3	-4.5	14.9	14.8	1.5	1.3	1.6	3.7	-0.3	2.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	52,770 (2.2)	46.1	15.9	14.9	-17.5	18.5	16.6	3.0	2.8	1.0	-1.8	-0.7	-1.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,852 (0.9)	31.4	12.8	11.4	-10.5	13.7	16.2	1.8	1.8	3.9	5.5	-1.2	0.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,509 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	3.1	7.2	0.0	17.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	735,310 (30.8)	18.0	21.9	12.4	21.9	7.4	12.5	1.6	1.4	0.7	7.1	1.6	54.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	134,249 (5.6)	36.5	11.1	8.3	-0.5	9.3	13.3	1.1	1.1	1.1	6.4	-5.0	-13.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	131,359 (5.5)	46.5	12.9	8.4	-4.5	11.6	17.6	1.6	1.4	2.1	-2.6	-4.1	19.4
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	243,322 (10.2)	38.9	-	17.4	67.9	3.0	7.1	1.1	1.0	-0.3	7.3	5.6	77.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	108,169 (4.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.4	3.8	-8.8	60.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	52,010 (2.2)	4.6	19.3	14.1	-51.0	12.0	12.5	1.9	1.8	1.6	4.3	-2.9	23.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	101,989 (4.3)	39.9	37.3	22.4	-11.9	4.9	8.0	1.0	1.0	1.6	5.1	0.2	45.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	74,380 (3.1)	35.9	8.1	7.5	2.2	15.5	14.7	1.1	1.0	2.4	9.7	0.4	8.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	392,367 (16.4)	0.0	79.2	16.7	14.4	4.2	16.8	3.3	2.8	0.9	7.5	2.5	26.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	48,764 (2.0)	0.0	15.0	12.7	2.4	20.1	21.0	2.8	2.5	0.0	2.8	-0.4	-10.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,460 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	3.5	4.7	-1.5	49.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	100,198 (4.2)	30.3	34.7	21.7	-75.2	15.0	19.2	5.0	4.0	-1.1	7.3	4.6	37.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	23,406 (1.0)	34.6	13.9	17.2	41.2	14.7	11.6	2.1	2.0	0.4	6.2	-2.7	29.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,393 (0.2)	45.4	13.6	12.8	10.7	25.4	23.8	3.1	2.7	-0.1	1.9	-1.5	38.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	184,860 (7.7)	0.0	20.6	16.8	15.5	28.1	29.3	7.0	5.8	0.1	6.8	16.2	44.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhdt@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

